TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 3 - 2025
"V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Đức Tùng.
- *Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Lê Quang Luân.
2. Ông Nguyễn Duy Sự.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà*: Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký viên Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà Hứa Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 05/3/2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án dân sự thụ lý số 350/2024/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bàn Thị M, sinh năm 1990.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1981.

Cùng nơi cư trú: Thôn 4 M, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(*Chị M vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; Anh C có mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Bàn Thị M trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn C có đăng ký kết hôn vào ngày 19/11/2010 tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, việc anh chị kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Tình cảm vợ chồng trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do vợ chồng không hợp tính nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, đánh nhau. Thực tế chị và anh C đã sống ly thân nhau, trong thời gian sống ly thân, chị và anh C không ai quan tâm thăm hỏi gì đến nhau. Chị xác định không còn tình cảm với

anh C, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị với anh C đã quá căng thẳng, trầm trọng, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn C theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Chị và anh Đỗ Văn C có 02 con chung là cháu Đỗ Văn V, sinh ngày 10/5/2011 và cháu Đỗ Văn N, sinh ngày 17/9/2015. Ly hôn chị nhất trí để anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung đến khi trưởng thành. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C cho cháu Đỗ Văn N, sinh ngày 17/9/2015 số tiền 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, đất đai chung và công nợ chung: Chị và anh Đỗ Văn C không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Tại phiên tòa, chị Bàn Thị M vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị M giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

**** Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Đỗ Văn C trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bàn Thị M kết hôn với nhau ngày 19/11/2010 tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và hai gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống đến nay vợ chồng vẫn chung sống bình thường, thời gian từ năm 2021 thì chị M có đi làm ăn xa, đến năm 2024 thì bố đẻ chị M ốm nặng, chị M có về nhà chăm bố sau đó không về chung sống cùng anh nữa và cũng không liên lạc gì về cho anh và các con, hiện nay anh không biết chị M đi làm công việc gì, ở đâu. Quá trình giải quyết vụ án, anh C xác định vẫn còn tình cảm với vợ, chị M xin ly hôn anh không nhất trí, đề nghị Toà án hoà giải cho vợ chồng quay về đoàn tụ. Tại phiên tòa, anh C xác định không còn tình cảm với chị M, vợ chồng không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Chị M đề nghị xin ly hôn anh nhất trí, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bàn Thị M theo quy định.

- Về con chung: Anh và chị Bàn Thị M có 02 con chung là cháu Đỗ Văn V, sinh ngày 10/5/2011 và cháu Đỗ Văn N, sinh ngày 17/9/2015. Ly hôn anh đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung đến khi trưởng thành và anh yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh cho cháu Đỗ Văn N, sinh ngày 17/9/2015 số tiền 1.000.000đ/tháng. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng; Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 4/2025 cho đến khi cháu Đỗ Văn N đủ 18 tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung, đất đai chung và công nợ chung: Anh và chị Bàn Thị M không có nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Toà án tiến hành lấy lời khai của cháu: Cháu Đỗ Văn V, sinh ngày 10/5/2011 và cháu Đỗ Văn N, sinh ngày 17/9/2015 (là con chung của chị Bàn Thị M và anh Đỗ Văn C). Cháu V và cháu N trình bày khi bố mẹ cháu giải quyết ly hôn, cháu có nguyện

vọng được trực tiếp ở cùng với bố cháu là anh Đỗ Văn C. Cháu tự nguyện ở với bố của cháu và không bị ai ép buộc gì.

Tòa án xác minh tại địa phương thôn 4 M, xã T, huyện H được cung cấp thông tin: Hiện nay anh Đỗ Văn C là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 4 M, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang và thường xuyên sinh sống tại đây. Chị M và anh C được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn 19/11/2010 tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn 4 M, xã T, huyện H. Cách đây khoảng vài năm nay thì chị M thường xuyên đi làm ăn xa sau đó vợ chồng có mâu thuẫn và từ năm 2024 đến nay chị M không về chung sống cùng anh C nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi chửi nhau. Thực tế chị M và anh C đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi không quan tâm gì đến nhau nữa.

Về tài liệu, chứng cứ: Các đương sự cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm:

- Nguyên đơn chị Bàn Thị M cung cấp cho Tòa án: 01 Đơn khởi kiện; 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 01 Căn cước công dân mang tên Bàn Thị M (bản sao chứng thực); 02 Giấy khai sinh mang tên Đỗ Văn V và Đỗ Văn N (bản sao chứng thực); 01 Xác nhận thông tin cư trú của Công an xã Tân Thành (bản chính).

- Bị đơn anh Đỗ Văn C cung cấp cho Tòa án: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên đã tiến hành hòa giải cho các bên đương sự suy nghĩ lại tình cảm để quay về hàn gắn, đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Vì vậy Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định chung của pháp luật.

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát*:

- *Về tố tụng*: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- *Về việc chấp hành quy định pháp luật của các đương sự*: Các đương sự đã chấp hành tốt các quy định pháp luật khi Tòa án báo gọi và tham gia phiên tòa.

- *Về việc giải quyết vụ án*: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bàn Thị M.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Thị M được ly hôn với anh Đỗ Văn C.

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Văn V, sinh ngày 10/5/2011 và cháu Đỗ Văn N, sinh ngày 17/9/2015 cho anh Đỗ Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Chị Bàn Thị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh

Đỗ Văn C cho cháu Đỗ Văn N số tiền 1.000.000đ/tháng. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 4/2025 cho đến khi cháu Đỗ Văn N đủ 18 tuổi trưởng thành; Chị Bàn Thị M có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về án phí: Chị Bàn Thị M phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật; Anh Đỗ Văn C không phải chịu tiền án phí.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Bàn Thị M có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đỗ Văn C nên xác định đây là vụ án "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Theo thông tin chị M cung cấp và Tòa án xác minh thì hiện nay bị đơn anh Đỗ Văn C là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn 4 M, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của nguyên đơn chị Bàn Thị M tại phiên tòa: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị M, báo gọi chị M đến tham gia phiên tòa nhưng chị M vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Bàn Thị M theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị M và anh Đỗ Văn C được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 19/11/2010 tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh C là hợp pháp.

Quá trình chung sống chị M và anh C hạnh phúc bình thường cách đây khoảng vài năm nay thì chị M thường xuyên đi làm ăn xa sau đó phát sinh mâu thuẫn từ năm 2024 đến nay chị M không về chung sống cùng anh C nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi chửi nhau, đánh nhau. Thực tế chị M và anh C đã sống ly thân nhau và không quan tâm gì đến nhau nữa. Do vậy chị M làm đơn xin ly hôn với anh C và tại phiên tòa anh C cũng nhất trí ly hôn với chị M. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh C đã quá căng thẳng, trầm trọng, mục đích hôn nhân

không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dậy con cái. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị M và xử cho chị M được ly hôn với anh Đỗ Văn C theo quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Bàn Thị M và anh Đỗ Văn C có 02 con chung là cháu Đỗ Văn V, sinh ngày 10/5/2011 và cháu Đỗ Văn N, sinh ngày 17/9/2015. Từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân đến nay cả hai cháu vẫn trực tiếp ở cùng anh C và do anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ly hôn anh Đỗ Văn C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con cùng anh cho cháu Đỗ Văn N số tiền 1.000.000đ/tháng. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 4/2025 cho đến khi cháu Đỗ Văn N đủ 18 tuổi trưởng thành; Chị Bàn Thị M nhất trí với yêu cầu của anh C, đồng thời căn cứ vào ý kiến của cháu Đỗ Văn N và Đỗ Văn V đều có nguyện vọng được trực tiếp ở cùng với bố là anh Đỗ Văn C. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên xử cho anh Đỗ Văn C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Chị Bàn Thị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đỗ Văn C cho cháu Đỗ Văn N số tiền 1.000.000đ/tháng. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 4/2025 cho đến khi cháu Đỗ Văn N đủ 18 tuổi trưởng thành; Chị Bàn Thị M có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con chung Đỗ Văn V: Do anh C không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con đối với cháu V, do đó Hội đồng xét xử xét không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, đất đai chung: Chị Bàn Thị M và anh Đỗ Văn C cùng xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về công nợ chung: Chị Bàn Thị M và anh Đỗ Văn C cùng xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Bàn Thị M phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật; Anh Đỗ Văn C không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bàn Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Thị M được ly hôn với anh Đỗ Văn C.

2. Về con chung: Giao các con chung là cháu Cháu Đỗ Văn V, sinh ngày 10/5/2011 và cháu Đỗ Văn N, sinh ngày 17/9/2015 cho anh Đỗ Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Chị Bàn Thị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đỗ Văn C cho cháu Đỗ Văn N số tiền 1.000.000đ/tháng. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 4/2025 cho đến khi cháu Đỗ Văn N đủ 18 tuổi trưởng thành; Chị Bàn Thị M có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Khoản tiền phải cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và anh Đỗ Văn C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Bàn Thị M chậm nộp thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm nộp tương ứng với thời gian chậm nộp. Lãi suất phát sinh thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

+ Nguyên đơn chị Bàn Thị M phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng số tiền án phí chị Bàn Thị M phải nộp là 600.000đ *(Sáu trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002883, ngày 17/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (nộp theo hình thức trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia ngày 13/12/2024). Chị Bàn Thị M còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

+ Bị đơn anh Đỗ Văn C không phải chịu tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Đỗ Văn C có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị Bàn Thị M vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Tân Thành (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Đức Tùng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Lê Quang Luân – Nguyễn Duy Sự	**Nguyễn Đức Tùng**